

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2015

Hà nội, ngày 30 tháng 06 năm 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến 30/06/2015

Hà Nội, tháng 06 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 – 18

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆTTầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015**Mẫu số B 01-CTCK**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		922 558 689 014	870 814 850 473
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	182 466 366 498	280 047 392 848
1. Tiền	111		144 466 366 498	165 572 392 848
2. Các khoản tương đương tiền	112		38 000 000 000	114 475 000 000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.04	229 584 196 898	187 043 890 839
1. Đầu tư ngắn hạn	121		257 745 629 935	223 482 129 325
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		- 28 161 433 037	- 36 438 238 486
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.11	504 866 225 586	398 251 134 869
1. Phải thu của khách hàng	131		469 212 088 198	348 958 053 148
2. Trả trước cho người bán	132		2 150 387 318	1 553 900 738
3. Các khoản phải thu khác	138		60 061 534 000	64 296 964 913
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		- 26 557 783 930	- 16 557 783 930
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5 641 900 032	5 472 431 917
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2 012 293 976	1 668 837 379
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		43 214 587	46 032 769
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		3 586 391 469	3 757 561 769
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		14 280 633 449	12 072 586 500
I. Tài sản cố định	220		3 591 994 545	3 482 197 168
1. TSCĐ hữu hình	221	V.05	1 835 701 897	1 208 822 217
- Nguyên giá	222		18 444 037 481	17 687 225 156
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		- 16 608 335 584	- 16 478 402 939
2. TSCĐ vô hình	227	V.06	1 756 292 648	2 273 374 951
- Nguyên giá	228		11 352 123 323	11 352 123 323
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		- 9 595 830 675	- 9 078 748 372
II. Tài sản dài hạn khác	260		10 688 638 904	8 590 389 332
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07		
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	9 580 489 424	7 482 239 852
3. Tài sản dài hạn khác	268		1 108 149 480	1 108 149 480
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		936 839 322 463	882 887 436 973

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Mẫu số B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		562 501 728 246	493 553 601 474
I. Nợ ngắn hạn	310		309 451 728 246	277 848 601 474
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16		30 000 000 000
2. Phải trả người bán	312		994 990 557	1 178 458 328
3. Người mua trả tiền trước	313		732 868 497	892 440 772
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	4 524 933 823	9 082 896 382
5. Phải trả người lao động	315		3 103 902 046	6 411 940 509
6. Chi phí phải trả	316	V.14	6 022 116 772	7 061 855 411
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		- 1 180 000	
9. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321			
10. Phải trả & phải nộp khác	319	V.15	288 730 726 428	220 581 357 246
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		5 343 370 123	2 639 652 826
II. Nợ dài hạn	330		253,050,000,000.	215,705,000,000.
1. Phải trả dài hạn khác	333			31,850,000,000.
2. Vay nợ dài hạn	334	V.14	253,050,000,000.	183,855,000,000.
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		374 337 594 217	389 333 835 499
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	374 337 594 217	389 333 835 499
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		350 000 000 000	350 000 000 000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		14 369 075 528	11 665 358 230
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420		9 968 518 689	27 668 477 269
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		936 839 322 463	882 887 436 973



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆTTầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho chu kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm này đến cuối quý 2	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	36 653 750 870	45 395 674 864	65 069 939 858	77 755 600 986
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	11 248 411 121	13 160 570 606	19 313 416 404	29 579 330 480
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	3 829 152 009	6 943 387 295	6 768 976 021	20 722 520 680
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5	523 636 364	368 262 454	1 212 909 590	447 202 454
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	603 461 755	526 562 086	831 636 382	796 312 476
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7				
- Doanh thu khác	01.9	20 449 089 621	24 396 892 423	36 943 001 461	26 210 234 896
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10	36 653 750 870	45 395 674 864	65 069 939 858	77 755 600 986
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	15 534 097 634	11 555 435 573	35 629 883 885	31 950 014 332
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20	21 119 653 236	33 840 239 291	29 440 055 973	45 805 586 654
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	13 293 226 903	3 322 361 449	18 465 418 244	9 118 519 855
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30	7 826 426 333	30 517 877 842	10 974 637 729	36 687 066 799
8. Thu nhập khác	31	250 000	1 479 134	764 504	1 479 134
9. Chi phí khác	32				
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	250 000	1 479 134	764 504	1 479 134
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50	7 826 676 333	30 519 356 976	10 975 402 233	36 688 545 933
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	1 567 926 218	7 904 073 703	1 567 926 218	7 904 073 703
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	6 258 750 115	22 615 283 273	9 407 476 015	28 784 472 230
15. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	70	179	646	269	822



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 18 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho chu kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B 03- CTCK
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10 975 402 233	36 688 545 933
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	1 098 002 623	867 028 696
- Các khoản dự phòng	03	1 723 194 551	- 10 209 370 549
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	- 48 909 538 029	- 2 362 241 503
- Chi phí lãi vay	06	16 825 992 546	12 055 871 327
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	- 18 286 946 076	37 039 833 904
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	- 103 455 357 807	- 59 052 591 110
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	31 776 429 645	75 769 793 372
- Tiền lãi vay đã trả	13	- 11 837 235 125	- 11 866 968 800
- Thuế TNDN đã nộp	14	- 5 739 615 537	- 4 413 483 909
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	- 343 456 597	116 208 608
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5 407 434 595	138 308 960
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	- 5 407 434 595	- 7 115 315 408
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	- 107 886 181 497	30 615 785 617
II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	- 1 207 800 000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	49 348 674 610	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	43 366 629 757	10 060 012 032
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	- 7 189 844 853	10 060 012 032
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	220 000 000 000	739 695 832 548
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	- 180 805 000 000	- 767 930 520 450
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	- 21 700 000 000	- 14 000 000 000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	17 495 000 000	- 42 234 687 902
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	- 97 581 026 350	- 1 558 890 253
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	280 047 392 848	153 340 248 240
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	182 466 366 498	151 781 357 987



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2015

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho chu kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B 05- CTCK

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số Tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	350 000 000 000	350 000 000 000					350 000 000 000	350 000 000 000
2. Quỹ dự phòng tài chính	9 893 537 224	11 665 358 230	1 771 821 006		2 703 717 298		11 665 358 230	14 369 075 528
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	4 174 946 307	27 668 477 269	27 037 172 973	3 543 642 011	9 407 476 015	27 107 434 595	27 668 477 269	9 968 518 689
Tổng cộng:	364 068 483 531	389 333 835 499	28 808 993 979	3 543 642 011	12 111 193 313	27 107 434 595	389 333 835 499	374 337 594 217

Chi tiết tăng giảm trong năm của các chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 18.



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 17 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt ("Công ty") được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2006; Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHDKD ngày 28/12/2006, Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 230/UBCK-GP ngày 17/04/2009 và Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 10/GPĐC - UBCK ngày 11/03/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2015 là 177 người

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Đặc điểm kinh doanh trong kỳ ảnh hưởng đến kỳ báo cáo

Số lãi Quý 2 giảm với cùng kỳ Quý 2 năm 2014 nguyên nhân chủ yếu:

Trong kỳ thanh khoản thị trường chứng khoán giảm so với cùng kỳ năm trước dẫn đến doanh thu hoạt động môi giới giảm 1,9 tỷ và doanh thu tự doanh giảm 3,1 tỷ, doanh thu dịch vụ tài chính giảm 4 tỷ so với cùng kỳ năm trước. Đồng thời trong kỳ công ty trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 10 tỷ, chi phí lương cũng tăng 4 tỷ so với cùng kỳ dẫn đến lợi nhuận trước thuế giảm 22 tỷ với cùng kỳ năm 2014

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản mục tiền gửi của các nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, nằm trong tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung trên máy tính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chínhGhi nhận ban đầu*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền ký quỹ của nhà đầu tư

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư tài chính ngắn hạn và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn là chứng khoán thương mại, bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Việc phân loại khoản đầu tư chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Ban Giám đốc. Theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn trong Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01/02/2000 hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng tại doanh nghiệp.

Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán của các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán không xác định được giá thị trường thì không ty không trích lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các hợp đồng bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại không được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc thận trọng trừ khi Công ty có khả năng nhận được phần chênh lệch này một cách chắc chắn.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm khấu hao

Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 06
Tài sản cố định khác	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 3 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu

- **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:**
Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.
- **Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:**
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).
- **Doanh thu hoạt động tư vấn:**
Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.
- **Doanh thu khác:**
Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính, doanh thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

01. Tiền và tương đương tiền	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền gửi ngân hàng	167 949 072 892	141 309 108 660
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	14 517 293 606	728 346 121
	182 466 366 498	142 037 454 781

Trong số dư tiền và các khoản tương đương tiền có bao gồm 111 880 909 672 VND (tại 31/03/2015 là 62 501 185 022 VND) là tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán

5. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG KỲ

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Của công ty chứng khoán	417 660	12 213 765 000
- Cổ phiếu	417 660	12 213 765 000
b) Của nhà đầu tư	335 353 196	4 573 571 265 000
- Cổ phiếu	335 353 196	4 573 571 265 000
Tổng	335 770 856	4 585 785 030 000

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

6.1 Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13,931,582	257 745 629 935	3 586 680 228	28 161 433 037	232 770 877 126
I. Chứng khoán đầu tư	13 931 578	222 245 629 935	3 586 680 228	28 161 433 037	232 770 877 126
Cổ phiếu	13 931 578	222 245 629 935	3 586 680 228	28 161 433 037	197 670 877 126
Cổ phiếu niêm yết	12 202 764	199 786 182 862	3 510 002 303	17 382 147 265	185 914 037 900
Cổ phiếu chưa niêm yết	1 728 814	22 459 447 073	76 677 925	10 779 285 772	11 756 839 226
II. Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	4	35 500 000 000			35 100 000 000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Chứng khoán tự doanh	222 245 629 935	260 525 167 048
Cổ phiếu niêm yết	199 786 182 862	191 226 039 914
Cổ phiếu chưa niêm yết	22 459 447 073	69 299 127 134
Trái phiếu		
Trừ: Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	- 28 161 433 037	- 36 778 296 114
Dự phòng chứng khoán niêm yết	- 17 382 147 265	- 24 599 789 942
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	- 10 779 285 772	- 12 178 506 172
Đầu tư tài chính ngắn hạn	194 084 196 898	223 746 870 934

6.2 Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

chỉ tiêu	Số lượng	Gá trị ghi sổ	Giảm giá so với giá thị trường
Cổ phiếu niêm yết	12 202 764	199 786 182 862	13 872 144 962
Cổ phiếu chưa niêm yết	1 728 814	22 459 447 073	10 702 607 847
Upcom	778 025	5 562 519 225	10 702 607 847
OTC	950 789	16 896 927 847	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09- CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	16 852 446 688	1 049 043 200	268 758 581	273 789 012	18 444 037 481
Tăng trong kỳ					
- Mua mới					
- Tăng khác					
Giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	16 852 446 688	1 049 043 200	268 758 581	273 789 012	18 444 037 481
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	14 709 509 631	1 049 043 200	268 758 581	273 789 012	16 301 100 424
Tăng trong kỳ	307 235 160				307 235 160
Khấu hao trong kỳ	307 235 160				307 235 160
- Tăng khác					
Giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	15 016 744 791	1 049 043 200	268 758 581	273 789 012	16 608 335 584
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	2 142 937 057				2 142 937 057
Tại ngày cuối kỳ	1 835 701 897				1 835 701 897

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	11 352 123 323	11 352 123 323
Tăng trong kỳ		
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp		
Giảm trong kỳ		
- Giảm khác		
Số dư cuối kỳ	11 352 123 323	11 352 123 323
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	9 338 388 999	9 338 388 999
Tăng trong kỳ	257 441 676	257 441 676
Khấu hao trong kỳ	257 441 676	257 441 676
Số dư cuối kỳ	9 595 830 675	9 595 830 675
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	2 013 734 324	2 013 734 324
Tại ngày cuối kỳ	1 756 292 648	1 756 292 648

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Thuế giá trị gia tăng	38 875 587	154 638 359
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1 567 926 218	
- Thuế thu nhập cá nhân	2 918 132 018	4 026 392 798
	4 524 933 823	4 181 031 157

10. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Tiền nộp ban đầu	124 489 244	124 489 244
- Tiền nộp bổ sung	7 297 902 188	7 297 902 188
- Tiền lãi phân bổ trong năm	2 158 097 992	2 158 097 992
	9 580 489 424	9 580 489 424

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT
Số Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30/06/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

11. CÁC KHOẢN PHẢI THU

Chỉ tiêu	Đầu năm				Số phát sinh trong năm			Cuối năm		
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Số dự phòng	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Số dự phòng
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1. Phải thu của khách hàng	447 322 034 225	1 495 528 730	1 495 528 730	1 495 528 730	1 591 684 756 241	-1 569 794 702 268	469 212 088 198	1 495 528 730	1 495 528 730	1 495 528 730
<i>Phải thu về dịch vụ giao dịch ký quỹ</i>	430 530 153 561	43 188 730	43 188 730	43 188 730	1 302 825 305 026	-1 279 242 706 108	454 112 752 479	43 188 730	43 188 730	43 188 730
<i>Phải thu về dịch vụ ứng trước</i>	14 540 908 275				288 144 451 215	- 290 049 214 893	12 636 144 597			
<i>Phải thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp</i>	1 853 113 322	1 452 340 000	1 452 340 000	1 452 340 000	495 000 000	- 800 600 550	1 547 512 772	1 452 340 000	1 452 340 000	1 452 340 000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	397 859 067				220 000 000	297 819 283	915 678 350			
2. Trả trước cho người bán	1 077 093 988	62 255 200	62 255 200	62 255 200	1 095 721 330	- 22 428 000	2 150 387 318	62 255 200	62 255 200	62 255 200
3. Thuế GTGT được khấu trừ	43 214 587				5 788 443	- 5 788 443	43 214 587			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Lãi dự thu		
Các khoản phải thu khác	60 061 534 000	58 520 000 000
	60 061 534 000	58 520 000 000

13. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số dư đầu kỳ	- 26 557 783 930	- 16 557 783 930
Số sử dụng trong kỳ		
Số trích lập trong kỳ		
Số dư cuối kỳ	-26 557 783 930	-16 557 783 930

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Chi phí trả lãi tiền vay cá nhân, tổ chức	5 561 997 924	5 800 525 870
Chi phí phải trả khác	460 118 848	711 049 682
	6 022 116 772	6 511 575 552

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	286 638 019 623	262 355 789 529
- Kinh phí công đoàn	124 897 725	89 685 725
- Bảo hiểm xã hội, y tế	214 442 691	211 624 815
- Doanh thu chưa thực hiện		
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1 753 366 389	1 522 579 525
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		
	288 730 726 428	264 179 679 594

16. VAY VÀ NỢP NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn	Số dư đầu kỳ	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Vay ngân hàng	45 000 000 000		45 000 000 000	0
Vay đối tượng khác (*)				
Cộng	45 000 000 000		45 000 000 000	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay và nợ dài hạn	Đầu kỳ	Đầu kỳ
- Phải trả đối tượng khác		31 850 000 000
- Trái phiếu phát hành	253 050 000 000	183 050 000 000
	253 050 000 000	214 900 000 000

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế
Số dư tại 01/01/2014	350 000 000 000	9 893 537 224	4 174 946 307
Tăng trong năm		1 771 821 006	23 493 530 962
Trích quỹ trong năm		1 771 821 006	-3 543 642 011
Lợi nhuận trong năm			27 037 172 973
Phân phối lợi nhuận năm 2013			
Tạm chia cổ tức năm 2014			
Số dư tại 31/12/2014	350 000 000 000	11 665 358 230	27 668 477 269
Tăng trong kỳ		2 703 717 298	9 407 476 015
Trích quỹ trong kỳ		2 703 717 298	
Lợi nhuận trong kỳ			9 407 476 015
Phân phối lợi nhuận năm 2014			27 107 434 595
Số dư tại 30/06/2015	350 000 000 000	14 369 075 528	9 968 518 689

Ghi chú: Theo Nghị quyết số 22/2015/NQ-ĐHĐCĐ- Nghị quyết đại hội đồng thường niên năm 2015 ngày 15 tháng 4 năm 2015, phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 được thông qua như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính:	2 703 717 298
+ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1 351 858 649
+ Quỹ dự trữ bắt buộc	1 351 858 649
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	2 703 717 297
- Chia cổ tức 2014 (6.2%)	21 700 000 000



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2015

Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền
Người lập biểu